

ĐẤT NƯỚC - NHÂN VẬT**MẠCH NGUỒN VĂN HÓA BẾN TRE**

Nguyễn Thanh Lợi*

1. Vài nét về địa văn hóa vùng đất Bến Tre

Bến Tre là một trong 12 tỉnh ở đồng bằng sông Cửu Long, được hợp thành bởi 3 cù lao lớn (An Hóa, Bảo, Minh) do phù sa của 4 nhánh sông Cửu Long (Cửa Đại, Ba Lai, Hàm Luông, Cổ Chiên) bồi tụ nên qua nhiều thế kỷ. Nhìn trên bản đồ, tỉnh Bến Tre có hình rẽ quạt mà đầu ngọn nằm ở thượng nguồn, các nhánh sông lớn như những nan quạt xòe rộng ra phía Biển Đông, địa hình bằng phẳng - một đặc trưng tiêu biểu của vùng bình nguyên bát ngát ở phương nam Tổ quốc.

Diện tích tự nhiên của tỉnh xấp xỉ 2.285km², phía bắc giáp tỉnh Tiền Giang, có ranh giới chung là Sông Tiền, phía nam giáp tỉnh Trà Vinh, phía tây giáp tỉnh Vĩnh Long, có ranh giới chung là sông Cổ Chiên, phía đông giáp biển với chiều dài 65km.



Bản đồ hành chính tỉnh Bến Tre. Nguồn: IPA Bến Tre.

Là một tỉnh châu thổ nằm sát biển, Bến Tre có địa hình bằng phẳng, rải rác có những giồng cát xen kẽ với ruộng vườn, không có rừng cây lớn, chỉ có một số rừng chồi và những dải rừng ngập mặn ven biển và ở các cửa sông. Tỉnh có một hệ thống đường thủy gồm những con sông lớn nối từ Biển Đông qua các cửa sông, lên

* Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh.

tận biên giới Campuchia và một hệ thống kinh rạch chằng chịt đan xen như những huyết mạch suốt khắp ba dải cù lao.⁽¹⁾

Nguồn gốc dân cư ở Bến Tre đến từ miền Trung, chủ yếu là người Việt vùng Ngũ Quảng từ thế kỷ 18. Gia phả của các dòng họ xưa ở Bến Tre cho biết, nhiều trường hợp di chuyển thẳng từ miền Trung vào đây, như gia đình ông Thái Hữu Xưa từ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi) vào Ba Tri, gia đình ông Nguyễn Văn Vạn ở Mỏ Cày có nguồn gốc từ Hòa Vang (Đà Nẵng), hay ông tổ của ông Bùi Quang Đảnh ở thị trấn Mỏ Cày vốn ở Bình Sơn (Quảng Ngãi).⁽²⁾

Họ di chuyển đến đây theo những chuyến ghe bầu, đến định cư ở các cửa sông lớn như Cửa Tiểu, Cửa Đại, cửa Hàm Luông, cửa Cổ Chiên, dần dần tiến sâu vào nội địa, chọn những giồng đất cao ráo có nước ngọt hai bên bờ để sinh sống. Phương thức mưu sinh của những người đi khai phá là nghề nông, kết hợp với đánh bắt thủy sản và khai thác lâm thổ sản.



Miếu Thần Nông ở huyện Bình Đại. Ảnh: NTL.

Bức tranh khảm hoang của Bến Tre lúc bấy giờ cũng là phương thức khai phá ở Nam Bộ, đặc biệt với vị thế của những tỉnh giáp biển và cho thấy một cách rõ nét mối quan hệ với miền Trung trên nhiều phương diện: *“Đất đã tốt lại ở ven biển, lưu dân có thể đi ghe bầu từ miền Trung vào vàm mà lập nghiệp, ngoài huê lợi ruộng nương còn huê lợi cá tôm. Đánh lưới ngoài biển vốn là sở trường của dân Việt, tha hồ chọn lựa đất tốt. Nhờ đường biển, việc liên lạc về quê xứ miền Trung được thuận lợi”*.⁽³⁾

2. Văn hóa xứ sở cù lao

Những trang sử đầu tiên của cư dân ở vùng đất mới này là “đánh cọp, đuổi sấu”. *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức cho biết đất Bến Tre có nhiều

cọp, được phản ánh qua nhiều truyện kể dân gian như *Truyện ông Gốc*, *Truyện thuyết về Cồn Tàu*, *Truyện nghĩa hổ*, *Bà mụ cọp*... Không ít người đã bỏ mạng nơi vùng đất Bến Tre. Gia phả họ Đặng (xã Hòa Lộc, huyện Mỏ Cày) cho biết vào khoảng giữa thế kỷ 18, bà cụ tổ tên Hên dẫn hai người con vào đây lập nghiệp, đã bị cọp vồ chết một người, nên phải dời nhà qua Mỏ Cày. Gia phả họ Ngô (xã Hương Mỹ, huyện Mỏ Cày) vào thế kỷ 18 cũng ghi nhận ông Ngô Quang Thành đến khẩn hoang vùng này (gọi là ấp Phú), thì người con của ông là Ngô Quang Thiều “*bị cọp vồ chết*”. Gia phả họ Đoàn ở huyện Ba Tri có “*ông cố bị cọp ăn mất xác*”.⁽⁴⁾ Năm 1902, *Monographie de la province de Mỹ Tho* vẫn còn ghi chép về nạn cọp ở Bến Tre: “*Làng Tân Định (xã Định Trung nay) có rừng, cọp, heo rừng, nai, chồn*”, “*làng Thới Thuận nhiều rừng lắm cọp heo rừng*”, “*tổng Hòa Quới, thú hoang có cọp chồn*”.⁽⁵⁾

Nam Bộ có nhiều truyện tương tự về “Ông Cọp” như *Ông Cả Cọp*, *Ông Cọp Cả Mỹ Điền*... Chuyện kể rằng ở xã Châu Bình (Bến Tre) từ khi lập làng, hễ ai được cử làm hương cả thì đều bị bệnh chết. Một năm nọ, có người can đảm nhận chức hương cả liền bị cọp vồ suýt mất mạng. Dân làng phải làm lễ cử “Cả Cọp” cúng đầu heo quay và viết tờ cử cuộn tròn đặt trong ống tre, nơi cọp đã vồ ông Cả. Sáu bảy năm liền không thấy cọp về, mới có người tên Non nhận chức hương cả trở lại.⁽⁶⁾ Ở xã Hưng Nhơn (huyện Bình Đại, Bến Tre), ông Cả Cọp ở đây rất hung dữ. Mỗi năm, dân làng phải nộp một mạng người. Về sau, khẩn vái mãi mới xin được cúng heo, rồi giảm xuống còn đầu heo.⁽⁷⁾

Xã Tân Hưng (huyện Ba Tri) đến nay vẫn còn đền thờ ông Trần Văn Ân (Ông Yén), nhân vật có võ nghệ cao cường, đã từng “*đả hổ*”, thuần hóa được cọp dữ, cưới chúng đi ăn giỗ, chỉ mới xảy ra vào đầu thế kỷ 19 đây thôi.⁽⁸⁾ Ngay phụ nữ Bến Tre cũng đánh cọp giỏi như bà Xuồng ở Bình Đại, bà Mụ ở Dăm Trường..., là những nhân vật được khắc họa trong các truyện dân gian với thái độ kính trọng nhất.⁽⁹⁾

Nhiều địa danh trong tỉnh còn lưu lại dấu ấn này như: địa Cút Cọp (ấp 4, xã Hưng Nhượng, huyện Giồng Trôm), giồng Ông Hổ (xã Thới Lai, huyện Bình Đại), giồng Trâu Cheo (huyện Bình Đại),⁽¹⁰⁾ đồn Cọp (xã Phú Nghĩa, huyện Chợ Lách), rạch Gầm (huyện Châu Thành).

Gia Định thành thông chí chép về nạn cá sấu ở Bến Tre: “*Sông Tiên Thủy (tục gọi Sóc Sãi Hạ) ở về phía đông sông Hàm Luông, cách trấn về phía đông 96 dặm. Sông rộng 4 tầm, sâu 1 tầm, làng xóm chợ búa rất đông đúc, ghe thuyền tụ tập... Ngoài cửa sông có nhiều cá sấu, có con to bằng chiếc xuồng, tính rất hung dữ, người đi qua phải coi chừng. Dân trong vùng phàm có những ngôi nhỏ, dùng chở gạo củi, hay tưới rửa, thì ở miệng ngôi phải trồng cọp dày kín, để ngăn dòng nước cho khỏi nạn cá sấu*”.⁽¹¹⁾

Theo Aubaret trong *Gia Định thông chí* thì: “*Rạch Tiên Thủy, năm trước có một con sấu thật to, mình dài đến 60 pieds, cái thân của nó năm người ôm mà không giáp, gọi nó là ông rồng, và sức nó mạnh đến nỗi nó dùng đuôi quất một cái đủ văng người xuống nước để ăn tươi nuốt sống, và ghe xuồng gì đều bị nó quất bể tan tành*”.⁽¹²⁾

Chợ Lương Quới trước năm 1930 gọi là chợ Bàu Sấu. Còn rạch Cái Sấu ở xã Tân Thành Bình (huyện Mỏ Cày Bắc) được đặt tên là do ngày xưa có con cá sấu lớn vào trong rạch này. Đầm Lạc Địa ở huyện Ba Tri sau năm 1975 người ta còn đào được xương đầu cá sấu khá lớn.⁽¹³⁾

Trong hành trang của mình ở vùng đất mới, cư dân Bến Tre không chỉ mang theo vật lực, nhân lực mà còn cả vốn văn hóa từ Ngũ Quảng. Vào đến vùng đất Bến Tre, với những điều kiện tự nhiên, lịch sử-xã hội có nhiều điểm khác biệt với quê cũ, vốn văn hóa ấy được tái tạo và sáng tạo theo cách riêng, tạo nên những sản phẩm văn hóa mang dấu ấn đặc trưng hài hòa với không gian văn hóa nơi đây.



Cây giống ở Cái Mơn (xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách). Ảnh: NTL.

Khi vườn và nghề làm vườn xuất hiện thì không gian kinh tế Bến Tre đã có sự thay đổi đáng kể trong nông nghiệp và giao thương, biến đổi bộ mặt nơi đây. Miệt vườn tạo ra sự khác biệt về văn hóa so với nghề trồng lúa nước thuần túy với vùng chuyên canh như ở huyện Chợ Lách. Những sáng tạo của lớp lưu dân khi đến vùng đất này là kỹ thuật “đào mương, lên liếp”. Muốn lập vườn thì phải đào mương, vừa để dẫn nước vào vườn; đồng thời đưa phù sa vào vườn, lắng chua mặn dưới lòng kinh. Và đào mương cũng là để lên những liếp vườn đầy cây ăn trái. Đó là một thái độ ứng xử thông minh trước thiên nhiên vùng đất này, mà nói như nhà văn Sơn Nam là đã tạo ra một “văn minh miệt vườn”.⁽¹⁴⁾

*Ghe ai mũi đỏ trắng lườn,
Phải ghe Gia Định xuống vườn thăm em.*

Bến Tre là nơi có nghề sản xuất cây giống và hoa kiểng lâu đời và nổi tiếng. Cây giống và hoa kiểng được trồng ở nhiều nơi trong tỉnh như huyện Châu Thành, huyện Mô Cày Bắc..., nhưng huyện Chợ Lách là cái nôi và cũng là nơi sản xuất lớn nhất cả nước về cây giống và hoa kiểng, được vinh danh là “vương quốc cây trái và hoa kiểng” của cả Nam Bộ.



Nhà thờ Cái Mơn (xã Vĩnh Thành, huyện Chợ Lách). Ảnh: NTL.

Cuối thế kỷ XIX, linh mục Gernot, cha sở nhà thờ Cái Mơn (huyện Chợ Lách) là người có công lớn trong việc mang một số giống cây ăn trái du nhập vào Bến Tre, như măng cụt, bòn bon, sầu riêng, chôm chôm từ Thái Lan qua, trong đó có giống dừa Xiêm.⁽¹⁵⁾

Người đặt nền móng cho nghề sản xuất cây giống huyện Chợ Lách là Phan Văn Minh và Trương Vĩnh Ký ở xã Vĩnh Thành. Cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, trong thời gian du học, công du, mỗi lần về thăm nhà hai ông đều mang một số giống cây mới từ các nước Đông Nam Á đặc biệt là Mã Lai về trồng.⁽¹⁶⁾ Người dân Cái Mơn không chỉ có nghề ươm cây mà còn biết chiết ghép cây, như ghép cây bình bát vào cây măng cầu dai để cho nhiều trái và có sức chịu đựng.

Ở xứ sở “cù lao” như Bến Tre, thì sông nước là điều kiện để hình thành nên các vựa trung chuyển hàng hóa, chợ búa, mầm mống của nền kinh tế hàng hóa. Miệt vườn do có nhiều vàm kinh, vàm rạch cao nhất đồng bằng sông Cửu Long,

nên số lượng chợ cũng đứng đầu trong khu vực: Tiền Giang (160), Bến Tre (175), Vĩnh Long (106), Đồng Tháp (203), Trà Vinh (110). Trong khi đó các tỉnh khác của Tây Nam Bộ số lượng chợ ít hơn nhiều: Kiên Giang (101), Hậu Giang (69), Cà Mau (100).⁽¹⁷⁾

Bến Tre là một trong những cái nôi của dân ca người Việt Nam Bộ, vùng đất kế thừa và phát triển nhiều làn điệu dân gian từ Ngũ Quảng, của những người đi khai hoang lập nghiệp ở đất phương Nam. Đất cù lao bốn bề sông nước, nên Bến Tre có điều kiện xuất hiện những loại hình diễn xướng dân gian gắn với môi trường này, như hò, lý, nói thơ *Vân Tiên*, hát huê tình, hát sắc bùa. Những điệu hò trên sông nước thì có hò mái đoản, hò mái trường, hò chèo ghe...

*Chùng nào cho vực xa cồn,
Cù lao xa biển, anh đành xa em.*

Hay:

*Bao giờ cho sóng bỏ gành,
Cù lao bỏ bể thì anh xa nàng.*⁽¹⁸⁾

Hát lý là một điệu hát mà thông qua đó thể hiện được tiếng nói của người dân lao động, gắn bó với đồng đảo quần chúng, đặc biệt là tầng lớp bình dân. Lời của lý thường là những câu lục bát, lục bát biến thể. “*Trong số 75 điệu lý sưu tầm được ở Bến Tre thì có tới 65 làn điệu khác nhau. Về nội dung phản ánh, lý phản ánh tương đối toàn diện cả tự nhiên và xã hội; sự vật, sự việc và con người*”.⁽¹⁹⁾

Nói thơ Nam Bộ xuất hiện sớm trong lối nói thơ của hát sắc bùa, lối hô thai (bài chòi), lối nói thơ quân phường (của những người đi ăn xin) được du nhập theo những làn sóng di cư từ Nam Trung Bộ vào Nam Bộ. *Nói thơ Vân Tiên* là một hình thức của nói thơ Nam Bộ, cách diễn xướng rất đặc trưng truyện thơ Nôm Lục Vân Tiên do nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu sáng tác, nó “*thấm thía thâm trầm, ẩn giấu một nỗi buồn dịu nhẹ nhưng với khí sắc lạc quan vì trung, hiếu, tiết, nghĩa như các nhân vật trong truyện thơ Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu*”.⁽²⁰⁾

Một loại hình dân ca nghi lễ đã từng tồn tại ở Bến Tre, thể hiện sự giao lưu văn hóa giữa hai miền Trung-Nam, đó là hát sắc bùa Phú Lễ (huyện Ba Tri). Sự kiện năm 1742, ông Thái Hữu Xưa từ phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi) vào Ba Tri (Bến Tre) lập trang trại và đến năm 1759 lập làng An Bình Đông ở đây, phải chăng là một dấu chỉ về nguồn gốc tục hát sắc bùa Quảng Ngãi du nhập vào Phú Lễ bằng đường biển từ miền Trung.⁽²¹⁾

Nghiên cứu khác cho biết: “*Hát sắc bùa Phú Lễ ra đời vào khoảng giữa thế kỷ XVIII, tồn tại cho đến những năm thập kỷ 70 của thế kỷ XX, do ông Trần Văn*



Hát sắc bùa ở Bến Tre. Ảnh: Bùi Hữu Nghĩa.

Lễ hội Kỳ yên đình Phú Lễ. Ảnh: BHN.

Hậu con rể của ông Hồ Đức Quang thấy điệu hát sắc bùa ở Bình Định hay mới đem về dạy cho dân Phú Lễ hát”.⁽²²⁾

Hát sắc bùa chỉ phổ biến ở một số địa phương ở huyện Ba Tri và huyện Giồng Trôm nhưng xã Phú Lễ (huyện Ba Tri) được xem là cái nôi của hát sắc bùa ở Bến Tre. Hát sắc bùa chỉ diễn ra vào dịp tết Nguyên Đán nhằm yểm quỷ trừ tà, chúc cho gia đình gia chủ một năm an khang, thịnh vượng, cầu cho gia đạo bình yên và góp vui trong những ngày tết. Nằm trong dòng chảy văn hóa từ Bắc vào Nam, đến vùng đất Bến Tre, ngoài chức năng nghi lễ, nó còn mang chức năng giải trí, góp vui. Điều đó còn cho thấy sự biến thiên của một hình thức sinh hoạt dân ca nghi lễ ở xứ Dừa này.

Nhiều vị thần được thờ ở Bến Tre như Ông Táo, Thổ Địa, Bà Chúa Xứ, Cừu Thiên Huyền Nữ, Thần Nông, Thần Hồ, thần Bạch Mã... Phổ biến nhất đối với cư dân miệt vườn Bến Tre là thờ Ông Thiên và Thành Hoàng bốn cảnh. Dân miệt vườn Bến Tre có ngày tết vườn “*Mồng một tết nhà, mồng ba tết chuồng, mồng bốn mới ra vườn tết cây*”. Còn dân miệt giồng huyện Bình Đại thì ngày mồng ba tết chuồng được đổi thành ngày tết trâu (tết Ông Chuồng, Bà Chuồng). Những năm gần đây, người dân thường hay tổ chức vui chơi, tắm cồn ở giữa sông Chợ Lách vào dịp tết Đoan Ngọ mồng 5/5 rất đông vui, như một ngày hội dân gian, để “tẩy uế”. Hơn 200 ngôi đình với 149 sắc phong ở Bến Tre, trong đó có những ngôi đình cổ có giá trị như đình Tân Thạch (huyện Châu Thành), đình Bình Hòa (huyện Giồng Trôm), đình Phú Tự, đình An Hội (thành phố Bến Tre) đã phản ánh tính “chủ lực” của nền nông nghiệp trồng lúa nước ở địa phương.⁽²³⁾

Ảnh hưởng từ tín ngưỡng biển của Nam Trung Bộ, cư dân ven biển Bến Tre duy trì tục thờ cá Ông nơi đây, được lưu hành với nhiều truyền thuyết: “Ở quận

Ba Tri, dân chài lưới có lập một cái miếu thờ cá Ông. Mỗi khi ra khơi, họ thường cúng vái. Nhiều lần họ được cá Ông giúp đỡ trong lúc biển động mạnh, ghe đánh cá của họ suýt chìm. Họ cầu cứu cá Ông thì ít phút sau cá Ông hiện đến. Cá Ông kê lưng đỡ thuyền họ lướt qua sóng gió hãi hùng. Mỗi lần cá Ông hiện trên mặt biển che chở thuyền chài thì y như có một cá đao theo bên” và “dân chài vùng Bãi Ngao (Ba Tri) cũng thuật rằng cũng có lần thuyền của vua Gia Long đến đây gặp sóng to gió lớn và cũng được cá Ông hộ tống vào đến Bãi Ngao”.⁽²⁴⁾

Dọc duyên hải Bến Tre có nhiều làng Ông vẫn thực hành tín ngưỡng của người dân miền biển: An Thủy, Bảo Thạnh, Tân Thủy (huyện Ba Tri); Thới Thuận, Thừa Đức, Bình Thắng, Vang Quới Tây (huyện Bình Đại); Thạnh Phong, An Thuận, Thạnh Hải (huyện Thạnh Phú).⁽²⁵⁾

Tất cả những điều đó cho thấy những giá trị truyền thống đã bám rễ trong đời sống của cộng đồng dân cư Bến Tre từ lâu đời và có sức sống cho đến tận ngày nay.

Bến Tre là đất địa linh nhân kiệt, đã sản sinh ra nhiều nhân vật kiệt xuất cho đất nước. Họ đã để lại nhiều dấu ấn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương trên nhiều lĩnh vực, qua các thời đại.

Một ông Gốc (Võ Hữu Vai) khí khái, ngang tàng, dám chống trả lại bọn Tây ngấn cản tự do đi lại. Giỏi võ nghệ, ông đã từng đâm chết sáu, nay còn lưu lại địa danh Rạch Sáu của thời khai hoang.

Hay như ông Ó ít chữ nghĩa, nhưng sáng dạ, can trường, có tài ứng đối đã sáng tạo nên những truyện trạng nổi tiếng, xếp vào hàng những truyện kể dân gian cả nước như Trạng Lợn, Trạng Quỳnh, Xiển Bột, Ba Giai, Tú Xuất, Thủ Thiêm, Bộ Lữ...

Ông già Ba Tri lại được xem như là biểu tượng cho đạo lý sống cao đẹp, truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Bến Tre.

Phan Thanh Giản là Tiến sĩ “khai khoa” của đất Nam Kỳ. Trương Vĩnh Ký được xếp trong bảng vàng các nhà bác học trên thế giới vào thế kỷ 19. Nguyễn Đình Chiểu về cuối đời đã gắn bó với mảnh đất này, để lại những trang thơ, bài văn tế, thơ điệu... lắng đọng lòng người. Lương Khắc Ninh chủ bút tờ *Nông cổ mín đàm*. Sương Nguyệt Anh, chủ bút tờ *Nữ giới chung*. Lê Hoàng Mưu, chủ bút tờ *Lục tỉnh tân văn*. Đó là những Lê Long Vân (cải lương), Diệp Minh Châu (điều khắc), Lê Văn Đệ, Nguyễn Phi Hoanh (mỹ thuật), Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Thị Định là những nhà chính trị, quân sự tài ba. Và còn nhiều những tên tuổi khác nữa.⁽²⁶⁾

3. Lời kết

Xứ sở cù lao Bến Tre với bối cảnh địa lý, lịch sử xã hội đã sản sinh ra những nét văn hóa đặc thù, hòa mình trong dòng chảy văn hóa cả nước, làm nên một sắc

thái riêng biệt. Trong đó những hạt giống văn hóa vùng Ngũ Quảng đã có điều kiện phát triển trên thổ nhưỡng này bằng quá trình tái tạo và sáng tạo. Đó là những sắc thái văn hóa miệt vườn, văn hóa biển, đã hòa trộn, phối hợp với nhau một cách hài hòa, để làm nên một diện mạo văn hóa mới, đậm chất sông nước Tây Nam Bộ. Những mạch nguồn văn hóa dân gian ấy luôn không ngừng tuôn chảy, hòa điệu vào đời sống văn hóa đương đại trên quê hương Bến Tre ngày nay.

N T L

CHÚ THÍCH

- (1) Bùi Đức Tuyền (chủ biên) (1998), *Việt Nam toàn cảnh*, Nxb Thống kê, Hà Nội, tr.591.
- (2) Thạch Phương - Đoàn Tứ (2001), *Địa chí Bến Tre*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.245.
- (3) Sơn Nam (1973), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Đồng Phố xuất bản, Sài Gòn, tr.30.
- (4) Nguyễn Thanh Lợi (2014), *Cạp trong văn hóa dân gian*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.61.
- (5) Nguyễn Chí Bền (2015), *Văn hóa Bến Tre*, Tái bản lần thứ nhất, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.13.
- (6) Nguyễn Phúc Nghiệp (1998), *Những trang ghi chép về lịch sử văn hóa Tiền Giang*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.77.
- (7) Nguyễn Phúc Nghiệp (1998), *Những trang ghi chép về lịch sử văn hóa Tiền Giang*, sđd, tr.76.
- (8) Thạch Phương - Đoàn Tứ (2001), *Địa chí Bến Tre*, sđd, tr. 1.370.
- (9) Nguyễn Chí Bền (2015), *Văn hóa Bến Tre*, sđd, tr. 7.
- (10) Có cụ già nuôi được một con trâu, đặt tên là trâu Cheo. Cheo sinh được một con nghé thì đêm về cạp ghé bắt. Cheo giật dây đuôi theo cạp. Khi dân làng tìm được thì thấy Cheo ghì xác cạp vào gốc cây mấm, Cheo được đem về, hôm sau thì chết. Từ đó về sau dân ấp Thới Bình, Thới Thuận đặt tên đất giống mà Cheo đánh cạp chết là giống Trâu Cheo (Nguyễn Chí Bền, *Văn hóa Bến Tre*, sđd, tr.181).
- (11) Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb Đồng Nai, tr.72.
- (12) Vương Hồng Sển (1993), *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, Nxb Văn hóa, Hà Nội, tr.613.
- (13) Nguyễn Chí Bền (2015), *Văn hóa Bến Tre*, sđd, tr.14.
- (14) Nguyễn Phương Thảo (2007), *Văn hóa dân gian Nam Bộ những phác thảo*, Tái bản lần thứ 3, có sửa chữa, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội, tr. 69.
- (15) Lư Hội, Xuân Quang (2012), *Tinh hoa văn hóa Bến Tre*, Nxb Lao động, Hà Nội, tr.294.
- (16) Sơn Nam (2014), *Đồng bằng sông Cửu Long - nét sinh hoạt xưa & văn minh miệt vườn*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr.267.
- (17) Lê Công Lý (2015), “Tìm hiểu địa văn hóa miệt vườn Nam Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 3/2015, tr.5.
- (18) Nguyễn Phương Thảo (2007), *Văn hóa dân gian Nam Bộ những phác thảo*, sđd, tr.63.
- (19) Lư Hội (2010), *Các hình thức diễn xướng dân gian ở Bến Tre*, Nxb Dân trí, Hà Nội, tr.78.
- (20) Lư Nhất Vũ, Lê Giang (chủ biên) (2000), *Dân ca Bến Tre*, Sở Văn hóa Thông tin Bến Tre, tr.15.
- (21) Lư Nhất Vũ, Lê Giang (chủ biên) (2000), *Dân ca Bến Tre*, sđd, tr.140.

- (22) Lư Hội (2009), *Di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bến Tre*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội, tr. 201.
- (23) Lư Hội, Xuân Quang (2012), *Tinh hoa văn hóa Bến Tre*, sđd, tr.30, 41.
- (24) Nguyễn Duy Oanh (1971), *Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt Nam (từ năm 1757 đến 1945)*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn, tr.355-356.
- (25) Nguyễn Thanh Lợi (2015), *Tín ngưỡng thờ thủy thần ở Nam Bộ*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.39.
- (26) Thạch Phương - Đoàn Tứ (2001), *Địa chí Bến Tre*, sđd, tr.1.144-1.149, 1.375.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thạch Phương - Đoàn Tứ (2001), *Địa chí Bến Tre*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Sơn Nam (1973), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Đồng Phố xuất bản, Sài Gòn.
3. Trịnh Hoài Đức (2005), *Gia Định thành thông chí*, Lý Việt Dũng dịch và chú giải, Nxb Đồng Nai.
4. Nguyễn Chí Bền (1997), *Tìm hiểu một số hiện tượng văn hóa Bến Tre*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Chí Bền (2015), *Văn hóa Bến Tre*, Tái bản lần thứ nhất, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Phương Thảo (2007), *Văn hóa dân gian Nam Bộ những phác thảo*, Tái bản lần thứ 3, có sửa chữa, Nxb Văn hóa-Thông tin, Hà Nội.
7. Lư Hội, Xuân Quang (2012), *Tinh hoa văn hóa Bến Tre*, Nxb Lao động, Hà Nội.
8. Lư Nhất Vũ, Lê Giang (chủ biên) (2000), *Dân ca Bến Tre*, Sở Văn hóa Thông tin Bến Tre.
9. Lư Hội (2009), *Di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Bến Tre*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
10. Nguyễn Duy Oanh (1971), *Tỉnh Bến Tre trong lịch sử Việt Nam (từ năm 1757 đến 1945)*, Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản, Sài Gòn.

TÓM TẮT

Cư dân xứ cù lao Bến Tre đã mang theo trong hành trang của mình những hạt giống văn hóa từ vùng Ngũ Quảng khi đến khai phá nơi đây. Những truyền thống văn hóa cũ và mới đan xen, song hành qua quá trình tái tạo và sáng tạo để phù hợp với thổ nhưỡng mới, như tục thờ cá Ông, hát sắc bùa, thờ Thành Hoàng, hát lý, vè, truyện trảng, tuồng... Trong đó nổi bật lên sắc thái sông nước Tây Nam Bộ với những sáng tạo về văn hóa miệt vườn. Những mạch nguồn văn hóa dân gian ấy luôn không ngừng tuôn chảy, hòa điệu vào đời sống văn hóa đương đại trên quê hương Bến Tre ngày nay.

ABSTRACT

CULTURAL SOURCES OF BẾN TRE

The inhabitants of Bến Tre have taken cultural seeds from the Ngũ Quảng areas (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam and Quảng Ngãi) to the new land. During the process of combining and harmonizing old and new cultural traditions in the new land, some customs were maintained and developed, such as the worship of Whale, Sắc Bùa singing, worship of Tutelary god, Lý folk song, Vè singing, bragging stories, classical drama art... Especially the characteristics of the waterways in the Southwest region with the orchard civilization. Those folk cultural sources are constantly flowing and harmonizing with the contemporary cultural life in Bến Tre today.